

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

=====

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **(HỢP NHẤT)**

QUÝ 1 – NĂM 2013

TÊN ĐƠN VỊ : CTY CP ĐT PT CƯỜNG THUẬN IDICO

MST : 3600459834

ĐỊA CHỈ : 168, KP11, P. AN BÌNH, BIÊN HOÀ , ĐỒNG NAI

NĂM 2013

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 01/2013)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>449,077,759,711</b>	<b>455,906,799,938</b>
I. Tiền	110		21,148,771,871	19,778,199,094
1. Tiền	111	V.1	21,148,771,871	19,778,199,094
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		216,020,792,138	228,089,864,965
1. Phải thu khách hàng	131		74,131,340,017	96,393,448,094
2. Trả trước cho người bán	132		130,002,297,825	137,326,257,159
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	15,137,806,745	7,620,811,563
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3,230,652,419)	(3,250,652,449)
IV. Hàng tồn kho	140		201,770,633,257	200,903,232,959
1. Hàng tồn kho	141	V.4	201,770,633,257	200,903,232,959
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10,137,562,445	7,137,502,920
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,494,915,279	2,641,951,803
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5,642,647,166	4,495,551,117
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>802,180,258,364</b>	<b>717,611,002,294</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 01/2013)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>789,932,115,410</b>	<b>683,384,096,985</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	119,361,227,114	110,754,912,032
- Nguyên giá	222		241,322,499,796	236,297,977,917
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121,961,272,682)	(125,543,065,885)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	29,070,475,721	31,221,245,129
- Nguyên giá	228		83,670,838,182	83,670,838,182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54,600,362,461)	(52,449,593,053)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	611,500,412,575	541,407,908,824
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>15,822,072,768</b>	<b>8,018,390,068</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12,430,075,410	4,418,390,068
3. Đầu tư dài hạn khác	253		3,750,000,000	3,600,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(358,002,642)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26,426,070,186</b>	<b>26,208,515,231</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	26,426,070,186	24,319,583,493
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	1,888,931,738
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,251,258,018,078</b>	<b>1,173,519,802,323</b>

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 01/2013)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: Đồng Việt Nam	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,035,455,860,634</b>	<b>958,776,750,162</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>412,743,737,557</b>	<b>485,037,146,617</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	224,760,232,000	314,328,530,836
2. Phải trả cho người bán	313		77,342,742,624	54,802,740,099
3. Người mua trả tiền trước	313		56,575,647,336	59,124,533,618
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	22,749,086,535	17,985,353,183
5. Phải trả người lao động	315		2,990,232,217	5,815,662,523
6. Chi phí phải trả	316	V.17	19,609,303,184	13,045,804,088
7. Phải trả lãi vay	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	11,144,153,301	12,047,177,694
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(2,427,639,580)	(2,113,976,324)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>622,712,123,077</b>	<b>473,739,603,485</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nợ bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		15,548,972,474	15,548,972,474
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	606,563,150,603	457,890,631,011
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>174,773,815,295</b>	<b>173,232,019,004</b>
<b>I. Vốn Chủ Sở Hữu</b>	<b>410</b>		<b>174,773,815,295</b>	<b>173,232,019,004</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	150,000,000,000	150,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10,052,327,854	9,237,781,581
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu mua lại	414		-	-
5. Chếch lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chếch lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	4,247,989,856	4,247,989,856
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	8,436,499,730	8,436,499,730
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.22	2,025,877,428	958,627,410
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		11,120,427	11,120,427

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 01/2013)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: Đồng Việt Nam	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>				
1. Nguồn kinh phí	430		-	-
2. Nguồn kinh phí đi hành chính TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>		<b>41,028,342,146</b>	<b>41,511,033,116</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,251,288,018,075</b>	<b>1,173,519,803,222</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thế chấp		-	-
2. Vài tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận giữ công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký mua		-	-
4. nợ thuê dài hạn xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		-	-
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người Lập

  
Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng

  
Lê Văn Tiến

  
Số: 505/2013  
Hàng năm để  
Nguyễn Xuân Dương

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN HDICO

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 01/2013)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam				
			Quý 01 năm 2013		Năm trước		
			Năm nay	Năm trước			
					Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước	Năm nay
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.25	73,776,478,379	73,497,046,443	73,776,478,379	73,497,046,443	73,497,046,443
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	V.26	-	262,210,733	-	262,210,733	262,210,733
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	V.27	73,776,478,379	73,234,837,708	73,776,478,379	73,234,837,708	73,234,837,708
4 Giá vốn hàng bán	11	V.28	59,246,410,200	55,897,074,182	59,246,410,200	55,897,074,182	55,897,074,182
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		14,530,068,179	17,337,763,526	14,530,068,179	17,337,763,526	17,337,763,526
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.29	64,347,500	36,112,607	64,347,500	36,112,607	36,112,607
7 Chi phí tài chính	22	V.30	6,074,536,495	7,309,983,769	6,074,536,495	7,309,983,769	7,309,983,769
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,074,536,495	7,309,983,769	6,074,536,495	7,309,983,769	7,309,983,769
8 Chi phí bán hàng	24		616,053,018	1,050,104,577	616,053,018	1,050,104,577	1,050,104,577
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,118,770,072	5,512,588,000	6,118,770,072	5,512,588,000	5,512,588,000
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,785,053,897	3,501,219,787	1,785,053,897	3,501,219,787	3,501,219,787
11 Thu nhập khác	31		151,468,986	2,164,675,104	153,468,986	2,164,675,104	2,164,675,104
12 Chi phí khác	32		126,272,767	2,303,629,999	126,272,767	2,303,629,999	2,303,629,999
13 Lợi nhuận khác	40		27,196,199	63,005,105	27,196,199	63,005,105	63,005,105
14 Lợi nhuận trước thuế trong công ty liên kết liên doanh	45		275,370,410	-	275,370,410	-	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		2,087,520,506	3,564,224,892	2,087,520,506	3,564,224,892	3,564,224,892
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.31	1,060,270,489	549,863,003	1,060,270,489	549,863,003	549,863,003

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 01/2013)

106 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				5,014,361,199	5,014,361,199
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60			1,027,250,017	1,027,250,017	
18 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của cty mẹ	62			1,027,250,017	1,027,250,017	5,014,361,199
20 Lợi cơ lãi trên cổ phiếu	70					

Người Lập

  
Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Kế toán trưởng

  
Lê Thị Thanh



Nguyễn Văn Lương

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDCICO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 01/2013)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	1		4,216,861,964	3,566,224,892
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khoản tài sản cố định	2		8,968,977,105	8,330,630,717
Các khoản tự phòng	3		-	-
Lãi lỗ đánh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(64,347,208)	-
Chi phí tài trợ	6		6,074,536,495	7,300,383,769
<i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>				
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		(45,650,354,211)	(51,107,743,343)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		5,104,088,718	(79,078,202,143)
(Tăng)/giảm các khoản phải trả	11		21,379,321,871	79,053,978,865
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(1,115,986,093)	221,054,203
Tài sản vay dài hạn	13		(6,074,536,495)	(7,319,983,769)
Tài sản ngắn hạn doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(314,663,316)	(831,123,565)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(8,886,901,985)</b>	<b>(39,868,380,374)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(88,907,069,464)	(41,547,307,242)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản đầu tư khác	22		1,147,359,307	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	-
Tiền thu từ cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	-
Tiền chi để góp vốn vào đơn vị khác	25		(17,305,000,000)	-
Tiền thu từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu từ cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		64,347,208	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(103,020,362,854)</b>	<b>(85,891,807,242)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		17,155,000,000	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, tài trợ nhận được	33		131,720,513,549	121,350,405,807
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(57,397,895,415)	(47,104,261,262)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		(200,000,000)	(300,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>110,377,837,834)</b>	<b>73,786,232,175)</b>

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDCICO



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 4/2013)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm trước	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	59		1.370.572.777	(11.673.688.361)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.778.149.094	41.895.010.236
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		21.148.771.871	30.221.321.875

Người lập

  
*Nguyễn Thị Hồng Liên*

Kế toán trưởng

  
*Lê Văn Vĩnh*



*Nguyễn Đình Dũng*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 01 năm 2013 (Ngày 01/2013)

Đơn vị tính: VND

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

01. Hình thức sở hữu vốn :

Công ty cổ phần

02. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất

03. Ngành nghề kinh doanh Công ty CP BTPT Cường Thuận và công ty con:

**Công ty CP BTPT Cường Thuận:**

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; vận tải hàng hoá đường bộ; gia công chế biến gỗ, đá và sắt (không gia công chế biến tại trụ sở); Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán và cho thuê máy móc và thiết bị công trình; sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông (không sản xuất và gia công tại trụ sở); kinh doanh du lịch lễ hội sinh thái, khách sạn; sản xuất mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, ly tâm, và bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở); đại lý mua bán nước tua, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở); Dịch vụ quảng cáo.

**Công ty CP DT Đồng Thuận (Công ty con):**

- Đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT);

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

04. Công ty con

Công ty con là tất cả các công ty chịu sự kiểm soát của công ty mẹ "Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận" trên phương diện tài chính công như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho công ty mẹ. Các công ty con được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng số các công ty con : hai (02)

Số lượng các công ty con được hợp nhất : hai (02)

Số lượng các công ty con không được hợp nhất : không (0)

Danh sách công ty con được hợp nhất :

**1. Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận**

- Trụ sở : Số 1253, KP.7, Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ góp vốn của Công ty CP BT PT Cường Thuận IDICO : 71.61% (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

- Tỷ lệ kế sách của công ty mẹ : 71.61%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 71.61%

Công ty CP DT Đồng Thuận đang trong giai đoạn đầu tư phát triển kinh doanh này

**2. Công ty CP Khai Thác và Kinh Doanh VLXD IDICO Đồng Nai**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 01/2013)

Đơn vị tiền VND

- Trụ sở: Lầu 1, số 168, KP11, P. An Bình, Quận Hoàn Kiếm, Đồng Nai.
  - Tỷ lệ góp vốn trực tiếp của Công ty CP ĐT PT Cường Thuận IDICO: 35% (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
  - Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 52,9%
  - Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 60%
- Công ty CP Khai Thác và Kinh Doanh VLXD IDICO Đồng Nai đang trong giai đoạn đầu tư, chưa có doanh thu

### 05. Công ty liên kết

Danh sách công ty liên kết

#### 1. Công ty CP đầu tư Việt Thuận Phát

- Trụ sở: Văn phòng giao dịch 106, Tổ 2, KP. 11, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần ĐTPT Cường Thuận: 35% (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)

06. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm từ thành cơ cấu hàng đầu hóa cấu tài chính: Không có

## II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 01. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

### 02. Tuân thủ về việc áp dụng Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam và chế độ kế toán, cũng như các chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Báo Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trung thực và khách quan tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý của tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yếu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở toàn thể và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

### 03. Bình thái kế toán áp dụng: Nhật ký chung

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Quý 01/2023)

Đơn vị tính: VND

### 01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con. Với chủ sở hữu và lợi nhận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các bản cáo được lập trên cơ sở tiền tệ. Các chính sách kế toán của công ty mẹ và công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các công ty con.

Tuần bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ công ty đã được loại trừ.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần ETPT Cường Thuận IDICO và Báo cáo tài chính của một (02) công ty con nêu trên.

### 02. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản trong tương lai:

Tiền và các khoản trong tương lai bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có quá nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá vốn kho được quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

#### 3.1. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên tương lai hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xác định và bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào phát sinh từ thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Ngày 31/2023)

Đơn vị tiền: VND

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản như sau:

Nhà ở, văn phòng, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc, thiết bị	5-10 năm
Phương tiện vận tải, tuyến đường	5-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5 năm

**3.3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình**

Quyền thu phí đường bộ

Giá trị quyền thu phí đường bộ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có được quyền thu phí đường bộ. Công ty ước tính thời gian thu hồi vốn đầu tư là 10 năm.

**05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn:****3.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Các Công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Phương pháp vốn chủ sở hữu là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết.

**3.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập khi giá thị trường của chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc.

**06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ; được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

**07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:**

Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm Quyền sử dụng thương hiệu IDICO, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 3 năm.

**08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, chi phí vận chuyển, các chi phí phải trả khác.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 01/2013)

Đơn vị tính: VND

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả : Không phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận các chi phí lãi:

Ghi nhận theo số dư góp của chủ sở hữu.

Tổng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.  
Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : Lợi nhuận sau thuế của phần phối phân tích trên bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lỗ hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh áp dụng bởi số thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh bởi số sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

Khi bán hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng hoá bị trả lại.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do công ty tự xác định.  
Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ đã được khách hàng phản ánh trên hoá đơn.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi nhận trên hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) từ khi khởi đầu thu hồi đầu lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức số tiền thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 01/2013)

Đơn vị tính: VND

Các khoản chi lãi tiền đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán được xác định một cách đáng tin cậy được hạch toán trên chi phí tài chính chưa kể chi tiền hay chưa.

## 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sẽ được các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản chiết giảm thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sẽ được cho mục đích thuế.

## 14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sẽ dùng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện của các khoản nợ ngắn hạn được trao lại trên TK413 đến năm sau hoãn nhập lại; khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo tính toán Thông tư 177 và 201 của Bộ Tài Chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại mỗi kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phân tích lấy kế toán bằng cân đối kế toán ở khoản mục vốn chủ sở hữu. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng được phân tích lấy kế toán bằng cân đối kế toán ở khoản mục vốn chủ sở hữu. Khi kết thúc quá trình xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản mục mang tính chất tiền tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được ghi nhận vào tài khoản chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào thu nhập hoặc chi phí hoạt động tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo với thời gian ... năm.

## 15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012
- Tiền mặt	15,585,530,229	23,340,144,464
- Tiền gửi ngân hàng	5,563,241,642	6,891,230,451
<b>Cộng</b>	<b>21,148,771,871</b>	<b>30,231,374,915</b>
02. Tài sản ngắn hạn khác	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012
- Kỳ quỹ, kỳ cực ngắn hạn	810,000,000	-
- Tài trợ	4,832,647,166	-
<b>Cộng</b>	<b>5,642,647,166</b>	<b>-</b>
03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 01/2013)

Đơn vị tính: VND

- Tiền ứng trước hoàn dự án BỐT QL1A	-	9,477,178,100
- Tiền chi đầu tư HECQT - Ban kiểm soát	969,904,598	-
- Phải thu của HBBT Bình Hòa ( Khu TĐC Phước Tân )	3,768,019,893	1,000,000,000
- Phải thu khác của Cty VLXD IDICO	2,915,600,000	-
- Phải thu của Cty Miền Đông	1,451,818,182	-
- Phải thu khác	6,033,064,072	2,785,459,428
<b>Cộng</b>	<b>15,137,986,745</b>	<b>13,262,637,528</b>
<b>04. Hàng tồn kho</b>	<b>Quý 2 năm 2013</b>	<b>Quý 1 năm 2013</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	13,904,635,867	15,730,497,952
- Công cụ, dụng cụ	1,064,347,533	1,024,508,831
- Chi phí SX, KD dở dang (*)	159,863,473,326	109,903,028,329
- Thành phẩm	26,601,951,390	47,996,065,725
- Hàng bán	624,224,341	569,793,875
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b>201,770,633,257</b>	<b>169,223,894,721</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ chủ yếu là dở dang của các công trình xây lắp chưa hoàn thành và nghiệm thu.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tiền: VND

## 08. Tổng giá trị tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định vô hình	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
Số dư đầu kỳ	3,514,748,663	116,388,984,533	31,796,985,959	4,143,775,514	44,157,571,348	126,207,977,917
- Mua trong kỳ		15,164,521,878	-	-	-	15,164,521,879
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BĐS đất tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	3,514,748,663	131,553,506,411	31,796,985,959	4,143,775,514	44,157,571,348	141,322,697,796
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	3,825,886,142	71,595,691,413	20,289,933,458	844,628,425	19,975,885,547	115,541,984,985
- Khấu hao trong kỳ	172,505,888	3,281,503,122	1,643,412,533	133,074,996	1,182,969,482	6,418,387,097
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3,998,392,030	74,877,194,535	21,933,346,001	977,703,421	20,158,855,029	121,967,271,082
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>						
- Tại ngày đầu kỳ	5,688,862,521	44,793,293,120	11,507,052,501	3,300,147,091	24,181,686,301	110,754,912,932
- Tại ngày cuối kỳ	5,515,998,833	56,976,311,876	19,863,639,958	3,168,112,093	23,998,716,319	119,561,227,119

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

10. Tổng, gộp từ số số liệu kế khác:

Khoản mục	Quyển số đầu kỳ	Lợi nhuận thường trãi	Bổ sung, bình đẳng chi	Quyển số ghi đầu kỳ 18	TỔNG VỊ LỊCH KHÁC	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>						
Số dư đầu kỳ	-	-	-	83,670,838,182	-	83,670,838,182
- Sửa chữa kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
- Tăng do bộ phận khác doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	83,670,838,182	-	83,670,838,182
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	-	-	-	52,448,590,850	-	52,448,590,850
- Hao mòn trong kỳ	-	-	-	2,150,769,498	-	2,150,769,498
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	54,599,360,348	-	54,599,360,348
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>						
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	31,222,247,332	-	31,222,247,332
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	29,070,475,721	-	29,070,475,721

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012
<b>21. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:</b>		
- Chi phí dở dang dự án khai thác đá Bình Lợi, Vĩnh Cửu	1,354,000,000	227,544,471
- Chi phí mở đá Phước Tân- Tân Cảng 3	19,027,763,160	5,873,871,356
- Chi phí dự án khai thác mỏ đá dôi chừa	237,227,969	-
- Cty Đồng Thuận (Dự án Đường tránh )	488,167,435,947	202,472,605,409
- Chi phí bồi thường đất mỏ Bình Lợi	58,588,857,608	-
- Chi phí bồi thường đất mỏ Đồi Chùa	12,267,941,393	-
- Khu TDC Tại xã Bình Minh	30,379,364,143	-
- Chi phí XD/CB khác	977,821,355	4,808,404,708
<b>Cộng</b>	<b>611,500,412,875</b>	<b>215,755,154,317</b>
<b>22. Đầu tư tài chính dài hạn:</b>	<b>Quý 1 năm 2013</b>	<b>Quý 1 năm 2012</b>
- Đầu tư vào công ty con - Công ty BOT Đồng Thuận nắm giữ 71,61% vốn điều lệ 155 tỷ	-	-
- Đầu tư vào công ty con - Công ty CP KT và XD VLXD IDICO Đồng Nai	-	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	12,430,075,410	8,650,275,973
- Đầu tư dài hạn khác - Công ty Lắp máy điện nước IDICO nắm giữ 3% vốn điều lệ 80 tỷ, Cty Đồng Thuận góp vốn vào Cty KT KS VL XD - UDICO : 1.350 tỷ .	3,750,000,000	3,000,000,000
	(358,002,642)	
<b>Cộng</b>	<b>15,822,072,768</b>	<b>11,660,273,973</b>
<b>24. Chi phí trả trước dài hạn:</b>	<b>Quý 1 năm 2013</b>	<b>Quý 1 năm 2012</b>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	431,566,686	634,415,151
- Chi phí thuê đất chờ phân bổ tại Hàng Xanh	277,777,780	527,777,779
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	527,606,624	-
- Chi phí trưng tu TL16	22,866,745,000	-
- Phần mềm giám sát hệ thống xe vận tải	187,500,000	-
- Chi phí trả trước của Cty VLXD IDICO Đồng Nai	960,255,544	-
- Chi phí trả trước của Cty Đồng Thuận	1,174,618,552	151,201,920
<b>Cộng</b>	<b>26,426,070,186</b>	<b>1,480,061,511</b>
<b>25. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>Quý 1 năm 2013</b>	<b>Quý 1 năm 2012</b>
- Vay ngắn hạn ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch	91,635,998,495	120,648,749,025
- Vay ngắn hạn ngân hàng HSBC	36,637,181,885	36,564,443,561
- Vay ngắn hạn ngân hàng Vietcombank	29,987,051,620	-

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

- Vay ngắn sách TW (Cty Đồng Thuận vay)	50,000,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>224,760,232,000</b>	<b>159,119,242,586</b>
<b>16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>Quý 1 năm 2013</b>	<b>Quý 1 năm 2012</b>
- Thuế GTGT đầu ra	13,050,810,881	11,984,806,835
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,286,748,580	5,119,987,057
- Thuế Tài sản cá nhân	1,337,120,545	499,603,249
- Các loại thuế khác	74,406,549	71,406,549
<b>Cộng</b>	<b>22,749,086,555</b>	<b>17,675,803,690</b>
<b>17. Chi phí phải trả</b>	<b>Quý 1 năm 2013</b>	<b>Quý 1 năm 2012</b>
- Trích trước chi phí lãi vay	-	23,000,000
- Chi phí phải trả của Cty CP KT và KD VLXD IDICO ĐN	20,000,000	-
- Trích trước chi phí Đường 8 và 11 KCN Đông Nam	-	10,043,875,252
- Trích trước chi phí Đường 14	5,473,772,309	5,473,772,309
- Trích trước chi phí HD 09 - Cầu Sông Bằng	290,104,342	-
- Trích trước chi phí đường tránh HD 01, 02, 03, 04 :	5,362,794,648	-
- Trích trước chi phí Đường tránh HD 06, HD 07	3,021,121,387	-
- Trích trước chi phí Đường Tạm cầu Suối Quan	159,854,120	-
- Trích trước chi phí kiến tạo	120,000,000	-
- Trích trước chi phí vệ sinh TL16	35,000,000	-
- Trích trước trùng tu TL 16	124,656,378	2,097,236,513
<b>Cộng</b>	<b>19,609,303,184</b>	<b>17,639,884,074</b>
<b>18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>Quý 1 năm 2013</b>	<b>Quý 1 năm 2012</b>
- Kinh phí công đoàn	113,302,382	76,553,499
- Bảo hiểm xã hội	502,913,700	102,191,256
- Bảo hiểm y tế	40,722,236	73,524,881
- Khoản phải trả của Cty CP Đồng Thuận	5,712,866,104	14,660,150,000
- Khoản phải trả của Cty CP KT và KD VLXD IDICO Đồng N	2,013,887,202	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,760,441,677	18,898,448,162
<b>Cộng</b>	<b>11,144,133,301</b>	<b>33,810,867,798</b>
<b>20. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>Quý 1 năm 2013</b>	<b>Quý 1 năm 2012</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
- Vay NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	2,732,333,339	-
- Vay ngân hàng Công Thương Ninh Trạch	565,577,517,823	269,988,123,458
- Vay ngân NH TMCP Sài Gòn - CN Củ Chi	12,380,749,752	18,577,667,176
- Quỹ DT Phát triển tỉnh Đồng Nai	26,172,549,689	3,652,558,954
<b>Cộng</b>	<b>696,863,190,603</b>	<b>292,218,349,588</b>

## 22. Vốn chủ sở hữu

## a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chính sách tỷ giá hối	Lợi nhuận chưa nhận (chết)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn XDCB	Cộng
A	1	2		3	4	5	6	7
Số dư đầu kỳ trước	193.000.000,00	5.456.339,273	-	16.584.326,681	4.247.216.856	8.425.459,733	11.120.427	157.746.918,977
Tổng vốn kỳ trước	-	10.992.112,794	-	-	-	-	-	7.992.112,794
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	1.242.813,246	-	-	-	1.242.813,246
Trích các quỹ	-	-	-	(2.113.489,619)	-	-	-	(1.113.489,619)
Tổng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	(113.000.000,000)	-	-	-	(113.000.000,000)
Giảm khác	-	-	-	(719.176,284)	-	-	-	(719.176,284)
Số dư cuối kỳ trước	193.000.000,00	5.197.381,241	-	968.627,411	4.247.216.856	8.425.459,733	11.120.427	172.212.213,668
Số dư đầu kỳ	193.000.000,00	5.197.381,191	-	968.627,411	4.247.216.856	8.425.459,733	11.120.427	172.212.213,668
Tổng vốn tăng do	-	114.146,277	-	-	-	-	-	114.146,277
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.007.299,617	-	-	-	1.007.299,617
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	193.000.000,000	10.232.227,834	-	2.075,977,428	4.247.216.856	8.425.459,733	11.120,427	174.714.815,285

## b. Chế độ vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của nhà nước (công ty IDCFC)

Quý 1 năm 2017

Quý 1 năm 2016

- Vốn góp của các đối tượng khác

7.000.000,000

7.000.000,000

Cộng

140.000.000,000

142.000.000,000

Cộng

190.000.000,000

190.000.000,000

## c. Các quỹ của doanh nghiệp

Quý 1 năm 2017

Quý 1 năm 2016

- Quỹ đầu tư phát triển

4.247.216,856

4.247.216,856

- Quỹ dự phòng tài chính

8.425.459,733

8.425.459,733

- Nguồn vốn đầu tư XDCB

11.120,427

11.120,427

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

605,133,997

605,133,997

\* Các định mức lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ dự phòng tài chính: được trích lập để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Bồi đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: chi khen thưởng CSVCNV trong Công ty và chi ủng hộ các đoàn thể hạn ngoài Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 01/2013)

Đơn vị tính: VND

**VL THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	73,776,478,379	73,497,048,443
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng, hoạt động xây lắp và cung cấp dịch vụ	57,646,907,677	54,789,618,588
- Doanh thu bán công	8,372,427,975	10,552,378,037
- Doanh thu thu phí tính lệ 16	7,757,142,727	8,115,051,818
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
27. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	73,776,478,379	73,497,048,443
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng và hoạt động xây lắp	57,646,907,677	54,789,618,588
- Doanh thu thuần bán công	8,372,427,975	10,552,378,037
- Doanh thu thuần thu phí tính lệ 16	7,757,142,727	8,115,051,818
28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012
- Giá vốn của hàng hóa và hoạt động xây lắp	51,336,687,818	45,587,125,727
- Giá vốn của bán công	5,444,166,074	7,858,955,520
- Giá vốn hoạt động thu phí	2,465,556,308	2,451,391,935
Cộng	59,246,410,200	55,897,074,182
29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012
- Lợi tiền gửi, tiền cho vay	64,347,303	36,112,607
- Lợi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	-
Cộng	64,347,303	36,112,607
30. Chi phí tài chính (Mã số 22)	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012
- Lợi tức vay	6,074,536,495	7,309,983,769
- Phí bảo hiểm vốn tư có TL 16	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	6,074,536,495	7,309,983,769
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012

- Chi phí thuế TNDN hiện hành  
Cộng

1,060,270,489  
1,060,270,489

549,863,693  
549,863,693

### 32. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### 32.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

#### 32.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### 32.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

##### Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

##### Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tài mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ nêu trình bày trong Thuyết minh số V.1 "Tiền và các khoản tương đương tiền". Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### Các công cụ tài chính khác

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhằm chưa bị suy giảm vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

FWD

Quá hạn nhưng không bị suy giảm

Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm		
		Dưới 90 ngày	91-180 ngày	> 181 ngày
Tổng cộng				
31 tháng 12 năm 2012				

32.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về lãi suất.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

	VND		
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
31 tháng 03 năm 2013			
Các khoản vay và nợ	224,760,232,000	406,855,150,500	631,623,382,600
Phải trả người bán	36,602,975,614	40,739,767,000	77,342,742,624
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	3,563,263,424	7,580,869,877	11,144,133,301
	<u>264,926,471,038</u>	<u>455,183,787,490</u>	<u>720,110,258,528</u>
31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản vay và nợ	314,328,839,836	457,890,631,011	772,219,470,847
Phải trả người bán	46,933,558,948	7,868,181,151	54,802,740,099
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	9,034,657,464	10,625,869,877	19,660,527,341
	<u>370,297,056,248</u>	<u>476,385,682,039</u>	<u>846,682,738,287</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sở hữu máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thủy sản minh số V.20 thuộc hình vay ngắn hạn và vay dài hạn). Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các tài sản thế chấp cho Công ty. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

33. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân tích theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất hoặc phải lên hoặc thanh lý. Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

1 Giá trị hợp lý của tiền mặt, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

1 Giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại trong kỳ. Tại ngày 31/03/2013, giá trị ghi sổ của các khoản vay không có khác biệt trọng yếu so với giá trị hợp lý của chúng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/03/2013

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

## 38. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị, ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi số			Giá trị hợp lý	
	31/03/2013	31/12/2012	31/03/2013	31/03/2013	31/12/2012
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
<b>Tài sản tài chính</b>					
- Tiền và các khoản đang tiền	21,148,771,871	-	19,778,199,094	-	19,778,199,094
- Phải thu khách hàng	74,131,340,017	3,250,652,449	96,393,448,094	3,250,652,449	93,142,796,245
- Phải thu khác	15,137,806,745	-	3,985,591,195	-	3,985,591,195
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>110,417,918,633</b>	<b>3,250,652,449</b>	<b>120,157,238,383</b>	<b>3,250,652,449</b>	<b>116,906,586,534</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
- Vay và nợ	831,623,382,603	-	772,219,470,847	-	764,798,197,597
- Phải trả người bán	77,342,742,624	-	54,802,740,099	-	54,802,740,099
- Phải trả khác	11,144,133,301	-	19,660,527,341	-	19,660,527,341
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>920,110,258,528</b>	<b>-</b>	<b>846,682,738,287</b>	<b>-</b>	<b>839,261,465,037</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TRỆ : Không có**

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC: không có**

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3- Thông tin về các liên hệ quan:

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ báo gồm:

Vào thời điểm 31/03/2013 các công nợ liên quan giữa Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO và Công ty liên kết Việt Thuận Phát:

Mối quan hệ - Tính chất giao dịch

31/03/2013

31/03/2012

- Công ty Việt Thuận Phát còn nợ tiền vay từ của Công ty Cường Thuận IDICO:

1,225,584,617

9,700,364,815

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Không có

5- Thông tin sai sót (chứng thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): không có

6- Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

7- Những thông tin khác: không có

Người Lập

  
*Nguyễn Văn Bình*

Kế toán trưởng

  
*Lê Văn Vĩnh*

Ngày 15/03/2013  
Tổng Giám đốc  
  
  
*Nguyễn Xuân Lương*